

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số: 2502/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 14 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Xây dựng trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS huyện Con Cuông tại xã Bồng Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS huyện Con Cuông tại xã Bồng Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An và Công văn số 915/UBND-TNMT ngày 07/8/2023 của UBND huyện Con Cuông về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 5483/STNMT-BVMT ngày 11/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS huyện Con Cuông tại xã Bồng Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An (sau đây gọi tắt là Dự án) của UBND huyện Con Cuông làm chủ dự án (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Bồng Khê, huyện Con Cuông với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Con Cuông; Chủ tịch UBND xã Bồng Khê; Hiệu trưởng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS huyện Con Cuông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT.NN(V).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đệ

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
XÂY DỰNG TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC
CƠ SỞ HUYỆN CON CUÔNG TẠI XÃ BÔNG KHÊ, HUYỆN CON
CUÔNG, TỈNH NGHỆ AN**

*(kèm theo Quyết định số 2502/QĐ-UBND
ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh Nghệ An)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS huyện Con Cuông;
- Địa điểm thực hiện: xã Bông Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An;
- Chủ dự án: UBND huyện Con Cuông;
- Địa chỉ: khối 2, thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An;
- Đại diện chủ dự án: Ông Hoàng Sỹ Kiện, Chức vụ: Chủ tịch.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi dự án: thi công xây dựng theo Quyết định số 3442/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND huyện Con Cuông: dự án xây dựng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Con Cuông tại xã Bông Khê huyện Con Cuông có tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch là 47.933,15m²;

- Quy mô, công suất dự án: 500 học sinh, 50 cán bộ giáo viên.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình

a. Các hạng mục công trình chính:

- Nhà học bộ môn, cao 03 tầng, diện tích xây dựng 450m²;
- Nhà hiệu bộ, cao 02 tầng, diện tích xây dựng 261m²;
- Nhà học, cao 03 tầng, diện tích xây dựng 570m²;
- Nhà đa năng, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 545m²;
- Nhà tắm + thay đồ, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 66m²;
- Ký túc xá nữ, cao 03 tầng, diện tích xây dựng 621m²;
- Ký túc xá nam + quản lý, cao 03 tầng, diện tích xây dựng 621m²;
- Nhà ăn, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 486m².

b. Các hạng mục phụ trợ:

- Nhà bảo vệ, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 24m²;
- Gara để xe giáo viên, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 120m²;

- Sân trường, diện tích xây dựng 1.688m^2 ;
- Bể bơi ngoài trời, diện tích xây dựng $1.898,68\text{m}^2$;
- Sân thể thao, diện tích xây dựng $3.192,27\text{m}^2$;
- Nhà đặt máy bơm, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 15m^2 ;
- Cây xanh thảm cỏ, diện tích xây dựng $5.560,09\text{m}^2$;
- Vườn thực nghiệm, diện tích xây dựng $12.410,56\text{m}^2$.

c. Các hạng mục bảo vệ môi trường:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $65\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$;
- Hệ thống thu gom nước thải ống PVC D200, chiều dài 650m;
- Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn cống bê tông B400 - B500, chiều dài 662m;
- Hồ ga thăm thu nước thải trong hệ thống thu gom nước thải (kích thước mỗi hố $1 \times 1 \times 1,2\text{m}$): 25 hố;
- Hồ ga thăm thu nước mưa trong hệ thống thu gom nước mưa (kích thước mỗi hố $1 \times 1 \times 1,2\text{m}$): 6 hố;
- Bể tự hoại, 07 bể, dung tích 25m^3 ;
- Bể tách mỡ nhà ăn, 01 bể, dung tích 7m^3 ;
- Kho chất thải rắn sinh hoạt: 20m^2 ;
- Kho chất thải nguy hại: 10m^2 .

1.3.2. Các hoạt động của dự án đầu tư

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- + Bồi thường, san nền, giải phóng mặt bằng;
- + Bóc bùn đất hữu cơ;
- + Hoạt động vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu thi công xây dựng các hạng mục của dự án; hoạt động thi công xây dựng công trình;
- + Hoạt động sinh hoạt của công nhân.

b. Giai đoạn hoạt động:

- + Hoạt động sinh hoạt của cán bộ giáo viên và học sinh nội trú;
- + Hoạt động ra vào của phương tiện giao thông;
- + Hoạt động học tập, giảng dạy, sinh hoạt của giáo viên, học sinh, cán bộ nhân viên và khách đến làm việc.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án thuộc xã Bồng Khê, huyện Con Cuông nằm trong vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An với diện tích $47.933,15\text{m}^2$.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động giải phóng mặt bằng, bóc đất hữu cơ, san nền bao gồm các hoạt động: đào vét đất hữu cơ, san lấp mặt bằng phát sinh sinh khối, đất đá thải, bụi;

- Hoạt động vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án phát sinh bụi, tiếng ồn, chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải;

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ và công nhân thi công xây dựng dự án phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, nước thải.

2.2. Giai đoạn hoạt động

- Hoạt động học tập, giảng dạy, sinh hoạt của giáo viên, học sinh, cán bộ nhân viên và khách đến làm việc phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt;

- Hoạt động ra vào của phương tiện giao thông trong khu vực dự án phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải;

- Hoạt động sinh hoạt, lưu trú của học sinh, giáo viên tại khu nội trú phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt, khí thải, tiếng ồn, độ rung, mùi trong quá trình chế biến thức ăn.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ và công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng $3,5\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh;

- Nước thải thi công phát sinh từ hoạt động vệ sinh dụng cụ thi công xây dựng khoảng $2,0\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần có nhiều cặn lơ lửng, vôi vữa, xi măng và có độ pH cao;

- Nước mưa chảy tràn thành phần chủ yếu nước mưa chảy tràn cuốn theo chất rắn lơ lửng trên bề mặt, đất, đá,... Lưu lượng phát sinh lớn nhất ước tính: $1.862,9\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

b. Giai đoạn hoạt động:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh: từ sinh hoạt hàng ngày của giáo viên, học sinh tại dự án; thành phần chủ yếu: chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS),

các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh. Lưu lượng phát sinh: $60,8\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$;

- Nước mưa chảy tràn thành phần chủ yếu nước mưa chảy tràn cuốn theo chất rắn lơ lửng trên bề mặt, đất, đá,... Lưu lượng phát sinh lớn nhất ước tính: $1.862,9\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$;

- Nước bể bơi phát sinh: từ hoạt động vệ sinh bể bơi thường nhiễm bẩn do bụi, đất cát,... nên có độ đục, hàm lượng cặn lơ lửng cao. Lượng phát sinh lớn nhất: $418,3\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$;

- Nước thải phòng thí nghiệm phát sinh từ hoạt động thí nghiệm và vệ sinh dụng cụ phòng thí nghiệm có chứa thành phần acid, bazơ, cồn, acetol Lượng phát sinh lớn nhất: $1\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Bụi phát sinh trong quá trình giải phóng mặt bằng, đào đắp, san gạt, vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công các hạng mục công trình;

- Khí thải phát sinh từ các loại máy móc, phương tiện vận tải hoạt động thi công xây dựng công trình. Thành phần chứa chủ yếu trong khí thải: CO , NO_x , SO_2 , VOC ,...

b. Giai đoạn hoạt động:

- Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông: thành phần chủ yếu là bụi và các khí độc như CO_x , NO_x , SO_x , NH_3 ,...;

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng;

- Mùi, khí thải do hoạt động đun nấu từ nhà bếp;

- Mùi từ hệ thống thoát nước thải, khu vực xử lý nước thải và khu tập kết rác.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt hàng ngày của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường khoảng $25\text{ kg}/\text{ngày}$; thành phần: các chất hữu cơ (thực phẩm thừa, ...) và các chất vô cơ, hữu cơ khó phân huỷ (giấy báo, bao bì, vỏ chai thủy tinh/nhựa, túi nilon,...); bùn cặn từ nhà vệ sinh;

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh: xây dựng các hạng mục công trình (giải phóng mặt bằng, bóc lớp hữu cơ, phát quang thực vật, xây dựng các hạng mục công trình, đào rãnh thoát nước, hồ lắng, hồ ga, đường, mương...); Khối lượng: $6,02\text{ tấn}/\text{cả giai đoạn}$.

b. Giai đoạn hoạt động:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của giáo viên, học sinh, cán bộ nhân viên và khách đến làm việc khoảng 275 kg/ngày; thành phần: chất thải thực phẩm (thực phẩm rau, củ quả, thức ăn thừa); chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (có nguồn gốc từ nhựa, kim loại, giấy, bao bì nilon...); chất thải rắn sinh hoạt khác (mảnh vỡ thủy tinh, thùng xốp loại bỏ...);

- Chất thải rắn thông thường: bùn cặn từ hồ ga, bể lắng của hệ thống xử lý nước thải khoảng 25kg/năm.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa máy móc và các phương tiện thi công, khối lượng phát sinh khoảng 3,8 kg/tháng; thành phần chủ yếu là giẻ lau có dính dầu mỡ, pin, ắc quy hỏng, vỏ thùng sơn.

b. Giai đoạn hoạt động:

Chất thải nguy hại phát sinh: từ sinh hoạt của giáo viên, học sinh, cán bộ nhân viên làm việc tại dự án khoảng 5,8kg/tháng; thành phần rác thải nguy hại: bóng đèn, pin, mực in thải, thiết bị điện tử, bao bì hóa chất thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Tiếng ồn: từ hoạt động của các phương tiện máy móc, thiết bị đào đắp, vận chuyển nguyên vật liệu thi công (máy đào, máy trộn bê tông, xe tải,...);

- Độ rung: từ hoạt động của các máy móc lớn thi công san lấp, lu lèn, vận chuyển nguyên vật liệu.

b. Giai đoạn hoạt động:

- Tiếng ồn sinh phát sinh chủ yếu từ phòng học, hội trường, phương tiện đi lại của giáo viên, cán bộ công nhân viên, học sinh, phương tiện giao thông vận chuyển hàng hóa;

- Độ rung phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

3.4. Các tác động môi trường khác:

- Tác động do chiếm dụng đất: dự án sẽ thu hồi, chuyển đổi lâu dài mục đích sử dụng đất sản xuất nông nghiệp của địa phương có thể ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân bị thu hồi đất;

- Vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh bụi, khí thải ảnh hưởng đến các hộ dân hai bên đường và đi lại của người tham gia giao thông;

- Các rủi ro, sự cố có thể xảy ra: sự cố cháy nổ, chập điện, mưa bão, ngập lụt, tai nạn giao thông, sụt lún công trình.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn:

+ Đào các mương thoát nước tạm xung quanh khuôn viên dự án, dọc tuyến có bố trí các hố thu nước (30m/1 hố). Mục đích các hố thu là để xử lý sơ bộ nước mưa chảy tràn bằng phương pháp lắng cơ học để tách các chất rắn cuốn theo trước khi đổ ra hệ thống thoát nước của khu vực, hạn chế được hiện tượng bồi lắng;

+ Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn.

- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động tại công trường, chất thải từ nhà vệ sinh di động sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng khi gần đầy sẽ thu gom, vận chuyển xử lý;

+ Đối với nước thải rửa tay chân: bố trí mương thu gom về hố lắng cát sỏi kích thước 2m³ (2m×1m×1m) để xử lý lắng cặn cùng với nước thải thi công trước khi thải ra hệ thống thoát nước khu vực. Hố lắng gồm 2 ngăn 01 ngăn lắng và 01 ngăn lọc cát được định kỳ nạo vét 3 tháng/lần. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý vận chuyển bùn thải nạo vét đúng quy định;

- Thu gom, xử lý nước thải thi công: nước thải xây dựng chủ yếu là nước vệ sinh dụng cụ, thiết bị xây dựng, nước xịt rửa bánh xe ra vào dự án theo các đường rãnh thoát nước đào tạm dẫn vào hố lắng dung tích 2m³ (2m×1m×1m) có song chắn rác để lắng cặn trước khi thoát ra theo mương thoát nước khu vực;

- Ưu tiên thi công các công trình thoát nước trên công trình và hoàn thiện trước mùa mưa.

b. Giai đoạn hoạt động:

- Thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn: toàn bộ nước mưa của khu vực được lắng sơ bộ tại hố ga, sau đó thoát bằng tuyến mương thoát nước B400, đặt chìm trong khuôn viên dự án và đầu nối vào hệ thống thoát nước khu vực.

- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải sinh hoạt được phân thành các dòng xử lý: nước thải từ quá trình đào thải của con người từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ ở bể tự hoại; nước thải từ nhà bếp sẽ được dẫn qua bể tách dầu mỡ; nước thải rửa sàn, rửa mặt, tay chân, nước vệ sinh bể bơi được dẫn hệ thống đường ống thoát nước thải qua song chắn rác để loại bỏ bớt rác trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý;

+ Nước hồ bơi được đưa vào hệ thống lọc sau đó qua khử trùng tái sử dụng, chỉ cần châm thêm khi cần thiết (bù lượng nước hao hụt do bốc hơi, hoặc thất thoát trong quá trình sử dụng). Định kỳ xả kiệt bể là 6 tháng/lần cho nên khi thải ra có ít tác động đến môi trường. Nước xả kiệt hồ bơi được thoát theo hệ thống

thoát nước mưa.

- Thu gom, xử lý nước thải từ phòng thí nghiệm: nước thải được dẫn về hệ thống xử lý sơ bộ trước khi đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Quy trình xử lý sơ bộ: nước thải phòng thí nghiệm → bồn keo tụ tạo bông → bồn lắng → hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Tổng lượng nước thải ngày lớn nhất dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 65 m³/ngày.đêm;

+ Quy trình xử lý nước thải của dự án: nước thải sau xử lý sơ bộ → hệ thống mương thu gom (bố trí các hố ga) → bể gom → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → bồn lọc áp lực → đầu nối mương thoát nước → sông Lam;

+ Nguồn nước tiếp nhận nước thải: nước thải sau khi xử lý của dự án được xả ra môi trường tiếp nhận là 01 dòng được đầu nối mương thoát nước thuộc hệ thống thoát nước khu vực;

+ Tọa độ vị trí xả thải dự kiến (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104^o45', múi chiều 3^o): X = 2037556, Y = 568741;

+ Phương thức xả nước thải: tự chảy;

+ Chế độ xả nước thải: liên tục 24 h/ngày.đêm;

+ Chất lượng nước thải: các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải theo quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT cột A Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (K=1).

- Yêu cầu bảo vệ môi trường:

+ Thu gom nước mưa chảy tràn khu vực dự án trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận;

+ Việc xử lý nước thải từ Dự án phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.1.2. Đối với thu gom và xử lý khí thải:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Sử dụng xe bồn 2m³ tưới ẩm trong vòng bán kính 1km tính từ công dự án đối với tuyến đường xung quanh dự án. Tần suất tưới ẩm 02 lần/ngày vào những ngày thời tiết khô hanh, thời gian tưới ẩm sẽ là 9h sáng và 16h chiều hàng ngày;

- Lắp đặt hàng rào tôn cao 3m bao quanh công trình xây dựng;

- Lắp lưới chắn bụi khi tiến hành thi công cao tầng nhằm giảm thiểu lượng bụi phát tán ra môi trường;

- Xịt rửa các phương tiện giao thông tại cổng ra vào dự án và quét dọn lối đi ra vào dự án vào cuối mỗi buổi thi công;

- Các phương tiện vận chuyển, bãi tập kết nguyên vật liệu được che phủ bạt nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi khuếch tán;

- Kiểm tra tất cả các máy móc, thiết bị tại hiện trường, thực hiện điều chỉnh và sửa chữa cần thiết đáp ứng yêu cầu đảm bảo môi trường và yêu cầu an toàn khi thi công;

- Phân luồng, bố trí máy móc thi công hợp lý trong quá trình xây dựng.

b. Giai đoạn hoạt động:

- Trồng cây xanh thảm cỏ xung quanh dự án để giảm thiểu khả năng phát tán bụi và tiếng ồn;

- Phun ẩm các tuyến đường tiếp giáp với dự án vào ngày nắng nóng;

- Máy phát điện được lắp trên bệ bê tông vững chắc, có tường cách âm bao quanh để giảm tối đa tiếng ồn và độ rung;

- Sử dụng khí hóa lỏng làm nguyên liệu nấu ăn, có hiệu quả đốt cháy cao, phát tán ít các chất thải khí ô nhiễm đảm bảo chất lượng môi trường;

- Lắp đặt quạt thông gió điều hòa, hệ thống hút mùi khu vực nấu ăn, chế biến của nhà bếp;

- Chất thải rắn sinh hoạt được vận chuyển theo giờ cố định, không tập trung lâu ngày.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt: tại phía sau khu vực lán trại công nhân bố trí 03 thùng dung tích 80 lít có lót túi màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, có nắp đậy để phân loại rác tại nguồn, dán nhãn trên nắp thùng. Phương án thu gom và phân loại chất thải rắn được thực hiện như sau:

- + Đối với loại chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: có nguồn gốc kim loại hoặc nhựa như các lon đựng nước giải khát, giấy được thu gom vào thùng đựng rồi định kỳ bán phế liệu;

- + Đối với chất thải thực phẩm: rau, củ, quả hỏng, thức ăn thừa bỏ được thu gom sau đó đưa đến vị trí tập kết chất thải rắn sinh hoạt; hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định;

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt khác: được thu gom sau đó đưa đến vị trí tập kết chất thải sinh hoạt; hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Đối với chất thải rắn là bùn đất hữu cơ phát sinh từ hoạt động nạo vét trước khi san nền: tận dụng đất hữu cơ đắp ở khu vực vườn thực nghiệm của dự án;

+ Chất thải rắn xây dựng như bao xi măng, sắt thép vụn,... được thu gom và bán phế liệu; gạch vỡ, bê tông, vữa xi măng, đá cát dư thừa được tận dụng san lấp mặt bằng tại chỗ;

+ Lượng rác thải còn lại không có khả năng tái chế cùng với lán trại được dỡ bỏ sau quá trình xây dựng, hợp đồng với hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý.

b. Giai đoạn hoạt động:

- Chất thải rắn sinh hoạt của dự án ước tính trong một ngày là 250 kg/ngày. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn như sau:

+ Đối với loại chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: bố trí 20 thùng composite có nắp đậy dán nhãn chất thải tái chế dung tích 50l khu vực hành lang các tầng nhà;

+ Đối với chất thải thực phẩm: rau, củ, quả hỏng, thức ăn thừa bố trí 20 thùng composite có nắp đậy dán nhãn chất thải thực phẩm dung tích 50l khu vực nhà ăn và kí túc xá;

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt khác: bố trí 20 thùng composite có nắp đậy dán nhãn chất thải tái chế dung tích 50l khu vực hành lang các tầng nhà;

Phương thức thu gom: mỗi ngày vào giờ cố định (16 giờ hằng ngày), nhân viên vệ sinh sẽ thu gom bằng thùng rác đầy tay loại 120 lít để thu gom rác đã được phân loại vận chuyển xuống khu vực kho chứa chất thải rắn sinh hoạt. Kho chứa có diện tích 20m² có kết cấu tường gạch, có biển báo, mái che. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển, xử lý đúng quy định. Tần suất thu gom 1 ngày/lần.

- Chất thải rắn thông thường: bùn thải từ bể tự hoại, hồ ga thu gom nước mưa, nước thải định kì nạo vét với tần suất 1 năm/lần và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển, xử lý; có biên bản bàn giao đúng quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình xây dựng và vận hành đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

Bố trí 03 thùng phuy có nắp đậy, dán nhãn cảnh báo (02 thùng đựng chất thải nguy hại dạng rắn, 01 thùng đựng chất thải nguy hại dạng lỏng). Định kỳ, hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ và Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022.

b. Giai đoạn hoạt động:

- Chất thải nguy hại gồm: bóng đèn hỏng, ắc quy, giẻ lau dính dầu, bình xịt côn trùng, bao bì hóa chất thí nghiệm, chai lọ thí nghiệm được thu gom và phân loại vào các thùng chứa riêng biệt tương ứng với từng mã chất thải nguy hại phát sinh, có dán nhãn đặt trong khu vực chứa chất thải nguy hại. Bố trí 05 thùng nhựa composite chứa chất thải nguy hại, với dung tích mỗi thùng là 80l đặt trong kho chất thải nguy hại;

- Kho chứa có diện tích 10m² có kết cấu bằng gạch, có biển báo, mái che, cửa và nền được lát gạch. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại trang bị thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy tại chỗ; có hồ cát và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn dầu thải; có biển dấu hiệu cảnh báo trong khu vực chứa chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại đúng quy định. Tần suất thu gom 01 năm/lần.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.3. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Bố trí thời gian thi công hợp lý, hạn chế thi công cùng một lúc các công đoạn có phát ra tiếng động lớn. Không thi công hạng mục phát sinh tiếng ồn và độ rung lớn vào thời gian nghỉ trưa từ 11h30 ÷ 1h30 và ban đêm từ 20h ÷ 6h sáng hôm sau, đặc biệt không thực hiện hoạt động đổ bê tông sau 21 giờ đêm đến 6 giờ sáng hôm sau;

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân, đặc biệt là những công nhân tiếp xúc trực tiếp với các máy móc, phương tiện phát sinh độ ồn lớn như: máy trộn bê tông, xe ủi;

- Không sử dụng các phương tiện chở quá trọng tải nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung.

4.3.2. Giai đoạn hoạt động:

- Tăng cường trồng cây xanh trong khuôn viên dự án, dự kiến khoảng 4-5 m/cây;

- Lắp đệm chống ồn, rung trong quá trình lắp máy phát điện, máy phát điện được đặt trong phòng máy phát điện có tường bao che.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phòng chống sụt lún, sạt lở:

+ Hồ sơ thiết kế khảo sát địa chất quy định các nội dung quan trắc địa kỹ thuật gồm: địa tầng, các chỉ tiêu cơ lý của các lớp đất theo độ sâu và địa chất động lực khu vực;

+ Xây dựng kè chắn đất bằng đá hộc bao quanh khu đất trước khi đổ đất san nền;

+ Sử dụng phương án móng băng cho công trình 03 tầng, móng đơn cho công trình từ 1-2 tầng;

+ Thi công nhanh từng công đoạn.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải:

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng sự hoạt động của máy móc thiết bị và các hạng mục công trình thu gom và thoát nước thải;

+ Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của công nhân, cán bộ kỹ thuật hệ thống kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra;

+ Bố trí công nhân kỹ thuật có kinh nghiệm, năng lực để làm việc.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố ngập lụt:

+ Thường xuyên theo dõi tình hình dự báo diễn biến thời tiết và có những phương án đề phòng khi xảy ra mưa bão, thiên tai. Có các biện pháp chuẩn bị cho những ngày có bão, mưa lớn;

+ Đội vệ sinh chịu trách nhiệm thông cống rãnh hệ thống thoát nước để tránh hiện tượng cống thoát nước bị tắc nghẽn gây ngập úng cục bộ trong những ngày có mưa, đặc biệt là các trận mưa lớn.

- Chỉ đạo UBND xã Bồng Khê trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các hộ dân và tiến hành thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Quan trắc, giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng:

Giám sát chất thải rắn: thường xuyên giám sát khối lượng phát sinh; phân định, phân loại các loại chất thải rắn phát sinh để quản lý theo quy định.

5.2. Quan trắc, giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm

- Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải;

- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Tổng Coliform;

- Vị trí: nước thải tại bể gom và nước thải tại hố ga cuối;

- Quy chuẩn so sánh: cột A (K = 1), QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

5.3. Quan trắc, giám sát môi trường giai đoạn vận hành ổn định

Giám sát chất thải rắn: thường xuyên giám sát khối lượng phát sinh; phân định, phân loại các loại chất thải rắn phát sinh để quản lý theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Triển khai dự án sau khi cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất và đầy đủ thủ tục theo quy định.

6.2. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và hoạt động dự án.

6.3. Chỉ đạo UBND xã Bồng Khê thực hiện khoanh định ranh giới dự án, xác định các địa bàn làm công trường thi công và đổ thải các loại bùn thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.

6.4. Lập hồ sơ đăng ký môi trường trước khi vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

6.5. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường, các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu quan trắc, giám sát để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra khi cần thiết.

6.6. Điều chỉnh, bổ sung nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định và cung cấp thông tin về môi trường theo quy định.

6.7. Xây dựng, thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố chất thải; tổ chức ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở và tham gia ứng phó sự cố chất thải theo sự chỉ huy của cơ quan, người có thẩm quyền.

6.8. Cam kết thực hiện các nội dung đã thỏa thuận, thống nhất với cộng đồng dân cư và UBND xã Bồng Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An./.